

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày 14 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Mạnh Đào

2. Ông Nguyễn Mạnh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Giàng Thị S, sinh ngày 14/5/1972 tại xã Q, huyện S, tỉnh Lào Cai

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Hmông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng Seo Lý (đã chết) và con bà Ma Thị Pằng (đã chết); Chồng là Vàng Seo S1, sinh năm 1972 trú tại thôn N, xã T, huyện B; Bị cáo có 05 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; Ngày bị tạm giữ: 04/02/2021, đến ngày 09/02/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Hà, Trợ giúp viên pháp lý công tác tại Chi nhánh số 1 (huyện S) thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai – Có mặt.

- Người bị hại: Anh Phạm Công L, năm sinh 1993

Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Vàng Seo S1, năm sinh 1972

2. Anh Vàng Seo P, sinh năm 2000

Đều cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai – Đều vắng mặt.

- Người phiên dịch: Chị Lù Thị Ngân, năm sinh 1991

Nơi cư trú: Thôn Sảng Chải, xã Nàn Sán, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 03/02/2021 Giàng Thị S cùng chồng là anh Vàng Seo S1 đi chợ Sín Chéng, huyện S để mua quần áo mới cho các con và thực phẩm về ăn tết. Khi đến chợ Sín Chéng thì anh S1 dắt xe lên để trên hành lang còn S một mình đi vào trong chợ mua quần áo và thực phẩm. Đến khoảng gần trưa thì S quay về chỗ để xe tìm chồng nhưng không thấy nên S quay lại trong chợ. Khi S đi qua chỗ anh Phạm Công L bán điện thoại ở gần khu vực ngã tư chợ Sín Chéng thì nhìn thấy 01 chiếc điện thoại màu trắng để trên nóc tủ kính nên đã nảy sinh ý định trộm điện thoại. Ngay sau đó, S đã tiến lại gần chiếc tủ bán điện thoại và lợi dụng lúc anh Long không để ý dùng tay phải nhanh chóng lấy chiếc điện thoại, chuyển sang tay trái rồi cho vào túi áo khoác và rời khỏi khu vực anh Long bán hàng. Khi lấy trộm được tài sản xong, S đã đi tìm chồng và gặp anh S1 đứng ở đoạn đường gần trường mầm non số 2, xã Sín Chéng; rồi cả hai người cùng đi xuống chợ ăn phở xong thì đi về nhà. Khi đến đoạn đường thuộc thôn Ngã Ba, xã Q, huyện S thì S nói với chồng là S nhặt được 01 chiếc điện thoại trong chợ Sín Chéng thì anh S1 trả lời “ừ” và không hỏi gì thêm. Khoảng 15 giờ cùng ngày khi về đến nhà tại thôn N, xã T, huyện B thì S tiếp tục nói với con trai là anh Vàng Seo P mẹ nhặt được một chiếc điện thoại, Phù bảo S đưa điện thoại cho Phù xem S đồng ý, do điện thoại có mặt khóa nên Phù đã ấn thử số (000000) nhưng không mở được, Phù ấn tiếp số (888888) thì mở được khóa điện thoại, Phù lấy sim của điện thoại S trộm cắp được để lắp vào điện thoại của mình thì S không cho vì sợ chủ điện thoại sẽ tìm thấy. Sau đó Phù cho sim điện thoại vào trong ốp và để điện thoại trên chiếc loa của gia đình. Lúc này, Vàng Seo Tú là con trai của S đi chơi về, Phù nói với Tú là mẹ đi chợ Sín Chéng nhặt được một chiếc điện thoại, Tú lấy điện thoại xem một lúc thì trả lại cho Giàng Thị S, S lấy chiếc sim điện thoại vứt vào bếp còn điện thoại thì cất vào cuối giường ngủ của vợ chồng S.

Sau khi nhận được tin báo của bị hại anh Phạm Công L về việc mất trộm điện thoại trong chợ Sín Chéng, bằng các biện pháp nghiệp vụ Công an huyện S đã xác định được Giàng Thị S có nhiều biểu hiện nghi vấn nên đã triệu tập về Công an huyện S để đấu tranh làm rõ. Tại cơ quan Công an Giàng Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại trộm cắp được ngày 03/02/2021.

Tại bản Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 02/KL-ĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện S kết luận: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE loại Xs Max 64G, màu trắng ở mặt sau, có số máy MT5W2LL/A, số sê ri F2LZ3BMKPHD, đã qua sử dụng, hiện vẫn sử dụng tốt có tổng giá trị theo hội đồng định giá xác định là 9.000.000 (chín triệu) đồng.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-SMC ngày 30/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Giàng Thị S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Giàng Thị S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã tóm tắt ở trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S trình bày lời luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Giàng Thị S. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Giàng Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị S từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án ban hành và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì người bị hại, người làm chứng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo đúng quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, ý kiến của người bào chữa, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo là người đạt độ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự; vì muốn có tiền thoai để sử dụng bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản không trông giữ cẩn thận, nhằm tiếp cận tài sản để thực hiện hành vi lén lút và mong muốn chiếm đoạt được tài sản mà người quản lý tài sản không biết. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Công L là 9.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện S quyết định truy tố bị cáo Giàng Thị S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng và dư luận xấu đến trật tự trị an tại địa phương và trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh và áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, quá trình bị khởi tố điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tài sản riêng; tài sản bị cáo chiếm đoạt chưa gây thiệt hại và đã thu hồi trả lại cho người bị hại; lần phạm tội này của bị cáo là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, xác nhận của chính quyền địa phương cho thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng,

nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội bị cáo luôn chấp hành tốt chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, dẫn đến nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung, việc cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm, phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo. Cần áp dụng khoản 1,2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và tuyên thời gian thử thách đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp làm ruộng và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ của bị cáo: 01 điện thoại di động màu trắng, nhãn hiệu Iphone Xsmax, số IMEI 3531111037690087, có số máy MT5W2LL/A, số sê ri F2LZ3BMRKPHD dung lượng 64GB, máy cũ đã qua sử dụng. Xét thấy, vật chứng đó không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản đó cho người bị hại, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với chiếc sim điện thoại, theo lời khai của bị cáo thì bị cáo đã ném vào bếp lửa của gia đình; quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được chiếc Sim; người bị hại cũng không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giảng Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Giàng Thị S 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày 14/4/2021. Giao bị cáo Giàng Thị S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Giàng Thị S phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CQĐT Công an huyện S;
- CQTHAHS Công an huyện S (2);
- CCTHADS huyện S;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai;
- UBND xã T, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS, THAHS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

